

Phú Thọ, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - PHÚ THỌ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2025/TLST-VHNGĐ ngày 14/8/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây: Anh Lê Trung H, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố Làng Bàu, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; CCCD số: 015195004901; cấp ngày 09/5/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự Xã Hội và chị Lê Thu T, sinh năm 2000; địa chỉ: Khu HC 15, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ; CCCD số: 026300001037; cấp ngày 23/01/2025; nơi cấp: Bộ Công an.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trung H và chị Lê Thu T.

- Về con chung: Anh Lê Trung H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê An N, sinh ngày 16/6/2020 (hiện cháu N ở với anh H). Chị Lê Thu T tự nguyện

cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 8/2025 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản, chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lệ phí Tòa án: Anh Lê Trung H và chị Lê Thu T thỏa thuận, anh H tự nguyện nộp cả 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền anh H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001420 ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Anh Lê Trung H đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - Phú Thọ;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Liên Bảo (nay là phường Vĩnh Phúc), ĐKKH ngày 07/01/2020);
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Phạm Quang Hùng